

Bản án số: **434/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-12-2021

V/v Ly hôn giữa bà N và ông S

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

2. Ông Lê Huỳnh Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trà Thị Thúy Diễm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:**

Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Xuyến N** - sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Thành S** - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/04/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuyến N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuyến N và ông Võ Thành S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2003/KH, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 08/04/2003. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Do đó bà N xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Hồng N (nữ), sinh ngày

06/02/2003 đã trưởng thành theo cha hay mẹ tùy ý và Võ Minh P (nam), sinh ngày 09/03/2011 do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

*Bị đơn là ông Võ Thành S:* Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Ly hôn”, do bị đơn là ông Võ Thành S cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuyến N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Võ Thành S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn 20/2003/KH, quyền số 01 của Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre, cấp ngày 08/04/2003. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuyến N và ông Võ Thành S là tự nguyện, tiến bộ và hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà N thì quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Cả hai đã

sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Do đó bà N xin được ly hôn với ông S.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Tòa để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông S vẫn không đến, chứng tỏ ông S không có thiện chí cùng bà N xây dựng gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông S là có thật, một trong hai bên đã không tha thiết vun đắp cuộc sống chung là tôn trọng, bình đẳng, hạnh phúc làm cho hôn nhân giữa họ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Xuyên N được ly hôn với ông Võ Thành S.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào trích lục khai sinh số 206/TLKS-BS ngày 15/08/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và giấy khai sinh số 189, quyển số 01/2011 ngày 18/07/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Võ Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 06/02/2003 và trẻ Võ Minh P (nam), sinh ngày 09/03/2011 là con chung của bà Nguyễn Thị Xuyên N và ông Võ Thành S.

Xét thấy,

Trẻ Võ Thị Hồng N đủ tuổi trưởng thành, theo cha hay mẹ tùy ý. Hội đồng xét xử không xét.

Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Minh P. Tham khảo ý kiến của trẻ P tại Đơn khai nguyện vọng con ngày 28/05/2021 trẻ khai muốn được sống với mẹ nên việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho trẻ. Bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà N khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông S không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuyên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 87/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuyến N và bị đơn là ông Võ Thành S.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuyến N được ly hôn với ông Võ Thành S.

- Về con chung:

Trẻ Võ Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 06/02/2003 đã trưởng thành, theo cha hay mẹ tùy ý.

Trẻ Võ Minh P (nam), sinh ngày 09/03/2011 do bà Nguyễn Thị Xuyến N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Thành S không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Thành S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Xuyến N khai không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Võ Thành S không có mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuyến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0050194 ngày 20/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Xuyến N và ông Võ Thành S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Vân**